

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **42/2017/HSST**

Ngày: 19/7/2017.

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Xuân Toàn.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

- *Th- ký toà án ghi biên bản phiên toà:* bà Lê Ngọc Mai- cán bộ Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:* ông Nguyễn Việt Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 44/2017/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐXX-HSST ngày 19 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Họ và tên:** Nguyễn Văn N; sinh năm: 1990.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm S , xã N, huyện P, tỉnh T.

Nơi c- trú: Xóm S , xã N, huyện P, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: Lớp 9/12.

Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; Con bà: Nguyễn Thị Á, sinh năm 1964;

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: 01 tiền án.

Bản án số 56/2016/HSST ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện huyện P, tỉnh T xử 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 4.625.400 đồng). N chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/8/2016 tại Trại tạm giam Công an tỉnh T và nộp án phí ngày 16/8/2016.

Nhân thân:

+ Ngày 02/01/2017, Nguyễn Văn N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh T Quyết định khởi tố bị can số 27/QĐ về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Bản án số 23/2017/HSST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh T xử phạt Nguyễn Văn N 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T trong vụ án khác theo Lệnh tạm giam số 77/2017/HSST-LTG ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”- có mặt tại phiên tòa.

2. **Họ và tên:** Bùi Mạnh T; sinh năm: 1987.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, xã B, huyện P, tỉnh T.

Nơi c- trú: Xóm Đ, xã B, huyện P, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: Lớp 12/12.

Con ông: Bùi Văn T, đã chết; Con bà: Dương Thị T, sinh năm 1966;

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 29/7/2010, Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 100/QĐ-XPHC, xử phạt T 2.000.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích. T đã nộp phạt ngày 10/8/2010.

- Bản án số 40/2011/HSST ngày 17/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử 09 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (trị giá tài sản 20.000.000 đồng), bồi thường dân sự 8.000.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 400.000 đồng. T đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/12/2011 tại Trại giam Vĩnh Quang - Tổng cục VIII - Bộ Công an; T nộp án phí hình sự và án phí dân sự ngày 04/4/2012, về bồi thường dân sự người được thi hành án chưa có đơn yêu cầu.

- Bản án số 371/2013/HSST ngày 16/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 9.930.000 đồng), bồi thường dân sự 2.070.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/5/2014 tại Trại giam Quyết Tiến của Tổng cục VIII - Bộ Công an; T nộp án phí hình sự và án phí dân sự ngày 10/7/2014, về bồi thường dân sự người được thi hành án chưa có đơn yêu cầu.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên trong vụ án khác theo Lệnh tạm giam số 78/2017/HSST-LTG ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”- có mặt tại phiên tòa.

- Ng- ời bị hại: **chị Tạ Thị L**, sinh năm 1977, ủy quyền cho anh Tạ Văn C, sinh năm 1973 tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2017).

Trú tại: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Tạ Văn C, sinh năm 1973- Vắng mặt.
 2. Trú tại: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh B.
 3. Anh Nguyễn Văn Anh, sinh năm 1985- Vắng mặt.
Trú tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh T.
- Người làm chứng:
1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990- Vắng mặt;
TQ: Xóm T, xã N, huyện P, tỉnh T.
 2. Anh Dương Đình N, sinh năm 1979- Vắng mặt;
TQ: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh T.

NHẬN THẤY.

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Bùi Mạnh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 12/12/2016, sau khi có hành vi trộm cắp tài sản (xe mô tô) tại xã Hà Châu, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên và bị người dân phát hiện, truy đuổi, Nguyễn Văn N, sinh năm 1990 ở xóm S, xã N, huyện P, tỉnh T đã bỏ chạy và bơi qua sông Cầu sang địa phận thôn Vân Xuyên, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chạy trốn, N vào nhà anh Tạ Văn C, sinh năm 1973 ở thôn V, xã H, huyện H, tỉnh B để hỏi đường về thì phát hiện tại sân nhà anh C có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát: 98B1-743.42 để ở góc sân bên trái từ cổng vào, gần cửa nhà ngang và đối diện với nhà chính của gia đình anh C. Lúc này N quan sát thấy chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện và không có người nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. N đến gần chiếc xe mô tô quay đầu xe và nổ máy ra đường Quốc lộ 37 đi về huyện P, tỉnh T. Khi đến khu vực Cầu M thuộc huyện P, tỉnh T, N mở cốp xe thấy có 01 chiếc kim và 01 chiếc cờ lê. Nghiêm dùng chiếc cờ lê tháo biển kiểm soát của xe và vứt xuống sông Cầu. Sau đó sử dụng luôn chiếc xe trên làm phương tiện đi lại. Đến khoảng 15 giờ ngày 15/12/2016, N đi chiếc xe trên đến thị trấn H, huyện P, tỉnh T gặp Bùi Mạnh T, sinh năm 1987 ở xóm Đ, xã B, huyện P và bảo T mang xe đi tiêu thụ. Do xe không có biển kiểm soát và không có giấy tờ, hơn nữa trước đó T đã bán cho N một chiếc xe mô tô N trộm cắp được ở xã T, huyện P, tỉnh T nên T hiểu đó là xe do N trộm cắp mà có. T đồng ý và một mình đi xe đến gặp Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1990 ở xóm C, xã N, huyện P, tỉnh T. Đến nơi, T hỏi Tr có chỗ nào “cầm” giúp chiếc xe (Tr không biết là xe do trộm cắp mà có). Tr gọi điện thoại cho Dương Đình N, sinh năm 1979 ở xóm H, xã T, huyện P, tỉnh T hỏi xem có chỗ nào “cầm” xe không thì N bảo mang xe đến gặp Nguyễn Văn A (tên gọi khác Nguyễn Xuân A), sinh năm 1985 ở xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh T. Sau đó, T và Tr đi xe đến gặp Văn A. Tại đây, T nói với Văn A là xe của T không có giấy tờ và bảo Văn A “cầm” chiếc xe với giá 3.500.000 đồng và hẹn 01 tuần sau quay lại lấy xe (T nói vậy nhưng thực tế sẽ

không quay lại lấy xe). Văn A đồng ý đưa cho T số tiền 3.500.000 đồng, T cầm tiền đi về thị trấn H đưa cho N, Ng cho T 800.000 đồng. Số tiền còn lại 2.700.000 đồng N chi tiêu cá nhân hết. Sau đó N và T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (xe mô tô) tại huyện P, tỉnh T và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình khởi tố vụ án, khởi tố bị can và tạm giam đối với N, T về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 01/01/2017, Nguyễn Văn A giao nộp cho CQCSĐT Công an huyện Phú Bình 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream không biển kiểm soát, sơn màu nâu, yếm trắng, xe cũ đã qua sử dụng, có số khung: **RLHHA08006Y088112**, số máy: **66661844** (số máy là số đục lại). Văn A khai nhận đó là chiếc xe mô tô Tuấn đến “cầm” cho Văn A ngày 15/12/2016 với số tiền 3.500.000 đồng.

Ngày 23/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên có công văn số 91/CV chuyển tin báo và tài liệu vụ trộm cắp xe mô tô ngày 12/12/2016 tại thôn V, xã H, huyện H, tỉnh B cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 07/02/2017 anh Tạ Văn C có đơn trình báo về việc bị mất trộm chiếc xe mô tô, lý do trình báo muộn là do anh nghĩ không tìm lại được chiếc xe, nên sau khi được Công an huyện Phú Bình thông báo đã tìm được xe anh mới làm đơn trình báo.

Ngày 08/02/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hoà ra Quyết định số 19/QĐ trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hiệp Hòa định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 98B1-743.42 mà Nguyễn Văn N đã trộm cắp ngày 12/12/2016 của gia đình anh C. Ngày 09/02/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hiệp Hòa đã kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 98B1-743.42 trị giá là 13.500.000 đồng.

Ngày 17/5/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên có Kết luận số 622/SK-SM, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Dream, màu sơn nâu, không biển kiểm soát, hàng số RLHHA08006Y088112 đóng trên khung xe là số nguyên thủy, hàng số 66661844 đóng trên thân máy là số đóng lại. Không tìm lại được số nguyên thủy đóng trên thân máy.

Từ hành vi Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn Ng, Bùi Mạnh T, tại bản cáo trạng số 45/KSĐT ngày 01/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để xét xử về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Bùi Mạnh T về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận đã có hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nh- cáo trạng truy tố và nội dung vụ

án đã tóm tắt nêu trên, rất hối hận về việc làm của mình, thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm nh- cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Bùi Mạnh T về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Bùi Mạnh T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1. □p dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Văn N từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. □p dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Bùi Mạnh T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Về vật chứng: □p dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả lại chị Tạ Thị L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream không có biển kiểm soát, có số khung: RLHHA08006Y088112, số máy 66661844 (số máy là số đóng lại) là tài sản hợp pháp của chị Tạ Thị L.

- Về án phí: □p dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn N và Bùi Mạnh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, ng- ời bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ng- ời làm chứng và kết luận định giá tài sản.

XÉT THẤY

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo trộm cắp và tiêu thụ trị giá là 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Nh- vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận cho bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; bị cáo Bùi Mạnh T phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân đ-ợc pháp luật bảo vệ, gây hoang mang dao động và làm bất bình trong quần chúng nhân dân. Xét về nhân thân: bị cáo N đã có 1 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản và đang bị tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản ở vụ án khác tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; ngày 30/6/2017 Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo T có nhân thân xấu, đã hai lần bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và một lần bị xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích năm 2010, 2011 và 2013. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng và góp phần răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Vì vậy cũng cần xem xét để giảm nhẹ về hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình. Tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi, bản thân các bị cáo không có tài sản gì, vì vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền đối với các bị cáo.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo N phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo đ-ợc h-ởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Tại cơ quan điều tra người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về dân sự, vì vậy trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của các bị cáo tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, đến nay các bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình truy tố và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, vụ án đang trong thời gian chuẩn bị xét xử, chưa có bản án; hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Văn N tại Định Hóa, Thái Nguyên tại bản án số 23/2017/HSST ngày 30/6/2017 Tòa án nhân dân huyện Định Hóa xử phạt N 30 tháng tù, bản án chưa có có hiệu lực pháp luật, vì vậy không tổng hợp hình phạt với bản án này.

- *Về vật chứng của vụ án:* Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1-743.42, ngày 27/3/2017 Cơ quan điều tra có Công văn số 305/CSĐT đề nghị Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cho sao trích hồ sơ đăng ký, kết quả xác định xe mô tô biển kiểm soát 98B1-743.42 có số khung RLHHA08006Y088112, số máy HA08E-0938183 đăng ký tên chị Tạ Thị L (là vợ anh C), chị L có ủy quyền cho anh C đại diện trong quá trình giải quyết vụ án. Ngày 17/5/2017, Cơ quan điều tra cho anh C kiểm tra, nhận dạng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream có số khung RLHHA08006Y088112 số máy đóng lại là 66661844. Anh C xác định đây là chiếc xe mô tô của gia đình

anh bị mất ngày 12/12/2017, tất cả các bộ phận trên xe còn nguyên vẹn. Anh C đề nghị trả lại anh chiếc xe mô tô trên và không đề nghị gì về vấn đề dân sự. Vì vậy, cần trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho chị Tạ Thị L, là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe mô tô.

Mức án do Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ cũng nh- nhân thân của các bị cáo, cần đ- ọc nghiên cứu xem xét.

Đối với Nguyễn Văn Tr (là người đi cùng T), Dương Đình N (là người giới thiệu) và Nguyễn Văn A (là người nhận “cầm” xe của T) đều không biết rõ chiếc xe Văn A nhận “cầm” cho T là tài sản do N trộm cắp mà có. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với Tr, N và A trong vụ án này.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo, ng- ời bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đ- ọc quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**; bị cáo **Bùi Mạnh T** phạm tội **“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”**.

1. □p dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự; Điều 231; Điều 233; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Văn N **15 (Mười lăm) tháng tù** về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. □p dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; Điều 231; Điều 233; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Xử phạt:

Bùi Mạnh T **12 (Mười hai) tháng tù** về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- *Về vật chứng*: □p dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại chị Tạ Thị L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream không có biển kiểm soát, có số khung: RLHHA08006Y088112, số máy 66661844 (số máy là số đóng lại) là tài sản hợp pháp của chị Tạ Thị L.

- *Về án phí*: □p dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn N và Bùi Mạnh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo có mặt biết đ- ọc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ng- ười bị hại, người có có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đ- ọc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ọc tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an Hiệp Hòa.
- L- u hồ sơ vụ án.
- Bị cáo.

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Toàn.